



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2023**



## MỤC LỤC

<b>GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>6</b>
<b>I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT .....</b>	<b>6</b>
1. <i>Quá trình hình thành và phát triển.....</i>	6
2. <i>Các mốc sự kiện quan trọng.....</i>	6
3. <i>Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua .....</i>	7
<b>II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....</b>	<b>8</b>
1. <i>Ngành nghề kinh doanh.....</i>	8
2. <i>Địa bàn kinh doanh .....</i>	8
<b>III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MẠY QUẢN LÝ.....</b>	<b>8</b>
1. <i>Mô hình quản trị.....</i>	8
2. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý.....</i>	9
<b>IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....</b>	<b>10</b>
1. <i>Mục tiêu chung .....</i>	10
2. <i>Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....</i>	10
<b>V. CÁC RỦI RO .....</b>	<b>10</b>
<b>PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>12</b>
<b>I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023.....</b>	<b>12</b>
<b>II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....</b>	<b>13</b>
1. <i>Danh sách Ban điều hành.....</i>	13
2. <i>Những thay đổi trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.....</i>	13
3. <i>Chính sách đối với người lao động .....</i>	14
3.1. <i>Cơ cấu lao động (tính đến 31/12/2023).....</i>	14
3.2. <i>Chính sách đối với người lao động .....</i>	14
<b>III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.....</b>	<b>16</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....</b>	<b>17</b>
1. <i>Tình hình tài chính.....</i>	17
2. <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....</i>	17
<b>V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>18</b>
<b>VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI .....</b>	<b>18</b>
1. <i>Bảo vệ môi trường .....</i>	18
2. <i>Kiểm soát môi trường làm việc.....</i>	18
3. <i>Chăm lo cho NLD.....</i>	19
4. <i>Đối với cộng đồng và xã hội.....</i>	19
<b>PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>20</b>
<b>I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....</b>	<b>20</b>
<b>II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....</b>	<b>21</b>

1. Tình hình tài sản.....	21
2. Tình hình nợ phải trả.....	22
- Tổng các khoản nợ ngắn hạn là 131.742.984.680 đồng.....	22
<b>III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024 .....</b>	<b>22</b>
1. Các chỉ tiêu chính.....	22
2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024.....	22
<b>IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>23</b>
1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	23
2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.....	23
<b>PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>24</b>
I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	24
II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	24
III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT .....	24
<b>PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>26</b>
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
1. Cơ cấu Hội đồng quản trị.....	26
2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT.....	27
2.1. Tiểu ban Chính sách phát triển: gồm có 05 thành viên .....	27
2.2. Tiểu ban Nhân sự- Lương thưởng: gồm có 03 thành viên .....	27
3. Hoạt động của HĐQT.....	27
4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.....	28
5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT.....	30
II. BAN KIỂM SOÁT.....	31
1. Cơ cấu Ban kiểm soát.....	31
2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.....	31
III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD .....	32
1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích .....	32
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.....	32
3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.....	32
<b>PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023.....</b>	<b>33</b>

**GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT**

- BKS : Ban kiểm soát
- BGD : Ban Giám đốc
- BDH : Ban điều hành
- BHXH : Bảo hiểm xã hội
- CBNV : Cán bộ nhân viên
- Công ty : Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức (TIMEXCO)
- CP : Cổ phiếu
- CHXD : Cửa hàng xăng dầu
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- KH : Kế hoạch
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- NLĐ : Người lao động
- NSDLĐ : Người sử dụng lao động
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- TH : Thực hiện
- Tổng công ty : Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)
- VDL : Vốn điều lệ

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC

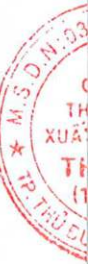
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08 /CBTT-TMC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2023**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội



## **PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG**

### **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức
- Tên giao dịch quốc tế: Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TIMEXCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301444626
- Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-8) 028 38966819
- Số fax: (84-8) 028 38963210
- Website: [www.timexcothuduc.com.vn](http://www.timexcothuduc.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TMC

#### ***1. Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được hình thành từ việc sáp nhập 02 doanh nghiệp nhà nước là Công ty Vật tư Tổng hợp huyện Thủ Đức và Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Thủ Đức với tên gọi là Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức, đến năm 2000 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức cho đến nay. Kể từ khi cổ phần hóa, Công ty không ngừng mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển thêm nhiều ngành hàng mới. Hiện nay, Công ty đã có hệ thống 24 Cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động tại thành phố Thủ Đức, huyện Nhà Bè thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Thuận và tỉnh Tiền Giang.

Từ tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức chính thức trở thành công ty con của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), hiện đang sở hữu 51,01% VĐL của Công ty.

#### ***2. Các mốc sự kiện quan trọng***

Ngày 27/03/2000: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được thành lập theo Quyết định số 09/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ đồng, trong đó phần vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 40%.

- Năm 2002: Tăng VĐL lên 18 tỷ đồng.
- Năm 2004: Bán đấu giá thành công 40% phần vốn Nhà nước.
- Năm 2006: Tăng VĐL lên 27 tỷ đồng.

- Tháng 12/2006: Cổ phiếu của TIMEXCO được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).
- Năm 2007: Tăng VĐL lên 40 tỷ đồng.
- Tháng 5/2009: Chuyển niêm yết sang giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).
- Năm 2010: Tăng VĐL lên 80 tỷ đồng.
- Năm 2012: Tăng VĐL lên 124 tỷ đồng.

### ***3. Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua***

- Năm 2008: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước và được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2009: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2010: Công ty đạt Cúp Thương hiệu Chứng khoán uy tín và được Cờ Thi đua của Chính phủ.
- Năm 2011: Công ty được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2012: Công ty được tặng Bằng khen và Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- 9 năm liền (2007 – 2015) Công ty liên tục được đánh giá xếp hạng trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Đạt giải “Sao vàng đất Việt” các năm 2010, 2011, 2012 và 2013.
- Năm 2014: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng; được Bằng khen của Bộ Công Thương đã đạt thành tích hoàn thành xuất sắc công tác kinh doanh năm 2014.
- Năm 2015: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công tác vận động quỹ Vì người nghèo giai đoạn 2001- 2015.
- Năm 2016: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Bộ Công Thương.
- Công ty đã liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” qua các năm từ năm 2001 đến năm 2020.



## II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### 1. *Ngành nghề kinh doanh*

- Thương nhân phân phối xăng dầu, nhớt, mỡ, ...
- Kinh doanh, sửa chữa xe máy
- Kinh doanh sắt thép xây dựng
- Dịch vụ nhà hàng tiệc cưới, hội nghị
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi
- Kinh doanh khác

### 2. *Địa bàn kinh doanh*

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Công ty còn có các điểm kinh doanh tại huyện Nhà Bè thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Thuận, Tiền Giang.

## III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### 1. *Mô hình quản trị*

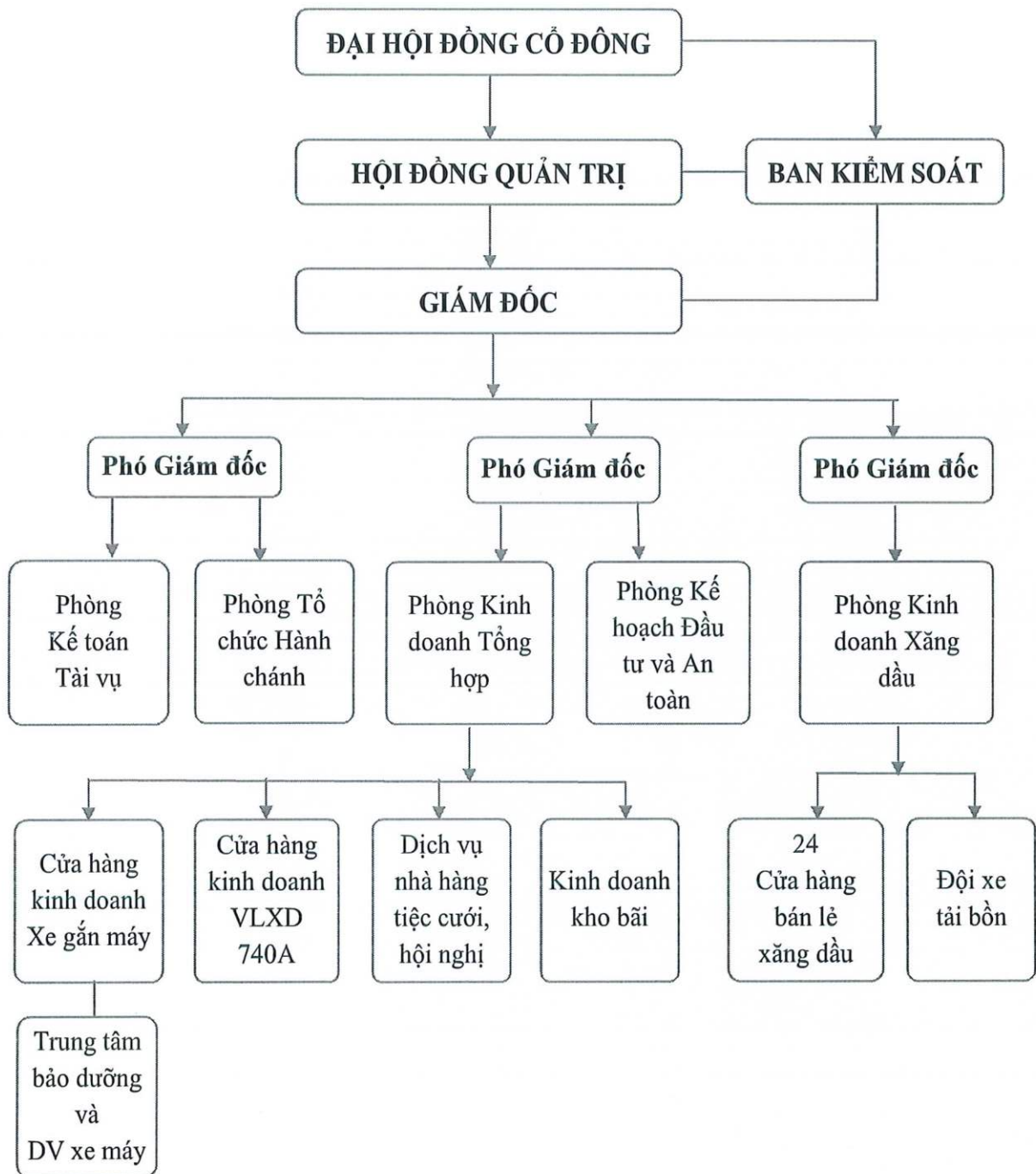
Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Thành viên HĐQT, BKS.

- Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Lương thưởng.

- Đứng đầu BDH là Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc quản lý và điều hành Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Phó Giám đốc và các Trưởng bộ phận để giải quyết công việc cụ thể.

## 2. Cơ cấu bộ máy quản lý



## IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 1. Mục tiêu chung

Công ty tập trung mọi nguồn lực để phát triển ngành kinh doanh chính là xăng dầu, đẩy mạnh kinh doanh những ngành hàng, dịch vụ khác ngoài xăng dầu theo nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và bảo toàn vốn, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và nhà đầu tư; chung tay bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

### 2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư phát triển mạng lưới bán hàng, nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý, nắm bắt thời cơ kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đảm bảo tạo ra sự thỏa mãn, hài lòng cho khách hàng, tăng cường tiếp thị, quảng bá thương hiệu.
- Đa dạng hóa và phát triển sản phẩm mới, đầu tư khai thác các dịch vụ tiện ích tại CHXD và các điểm kinh doanh, đẩy mạnh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, lựa chọn đối tác tốt để hợp tác kinh doanh.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, quản lý bán hàng, tiết giảm chi phí hao hụt xăng dầu, hạn chế rủi ro trong kinh doanh, bảo toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, luôn tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh.
- Định kỳ và thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBNV, nhân viên bán hàng; cải tiến chế độ tiền lương, thưởng hợp lý đồng thời động viên, khen thưởng kịp thời cho các cá nhân và tập thể NLD có thành tích tốt trong hoạt động kinh doanh để làm đòn bẩy phát triển kinh doanh.

## V. CÁC RỦI RO

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, giá dầu thô thường xuyên biến động, tác động đến tình hình kinh tế, tài chính trong nước, nguồn cung xăng dầu biến động, ảnh hưởng đến thị trường kinh doanh xăng dầu trong nước.
- Những thay đổi, điều chỉnh chính sách của Nhà nước về lĩnh vực kinh doanh xăng dầu làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh xăng dầu của Công ty.
- Thị trường các ngành hàng Công ty đang kinh doanh ngày càng bị cạnh tranh gay gắt hơn.
- Rủi ro về cháy nổ luôn luôn tiềm ẩn tại các CHXD; rủi ro do khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro trên, Ban lãnh đạo Công ty đã thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo, cập nhật thông tin thị trường và tình hình giá cả xăng dầu thế

giới; theo dõi, cập nhật các chính sách của Nhà nước để đưa ra những giải pháp kinh doanh phù hợp nhất; chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống chữa cháy bán tự động, hệ thống cảnh báo cháy tại các CHXD, định kỳ tổ chức kiểm tra, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho NLĐ, luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm soát và theo dõi chặt chẽ công nợ khách hàng, yêu cầu khách hàng ký quỹ mua hàng theo hợp đồng hoặc áp dụng hình thức bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng để đảm bảo an toàn về mặt tài chính, giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

626  
N  
TÀI  
KH  
JC  
OJ  
50

## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2022	NĂM 2023			
			KH	TH	%/KH	%/TH 2022
1. Sản lượng						
- Sản lượng KDXD	m <sup>3</sup>	133.250	124.000	126.034	101,64%	94,6%
- Sản lượng DMN	lít	71.301	80.000	84.321	105,4%	118,3%
1. Doanh thu	tỷ đồng	3.073	2.129	2.539	119,3%	82,6%
- Kinh doanh xăng dầu	“	2.927	1.984	2.428	122,4%	82,9%
- Kinh doanh, dịch vụ khác	“	146	145	111	76,5%	76,0%
2. Lợi nhuận trước thuế	“	5,6	15	15,3	102,0%	273,2%
3. Các khoản nộp NSNN	“	20		18		90,0%

#### Về sản lượng:

- Sản lượng xăng dầu tiêu thụ năm 2023 là 126.034 m<sup>3</sup>, đạt 101,64% so với kế hoạch.

#### Về ngành hàng khác:

- Tình hình hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy trong năm 2023 gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng nền kinh tế của cả nước: Đời sống kinh tế và mức thu nhập người dân không ổn định nên dẫn đến sản lượng bán xe bị giảm nhiều, thị trường xe máy đang trong tình trạng bão hòa. Mặt khác, trong tháng 5 và đến giữa tháng 6 năm 2023, Cửa hàng đã tiến hành làm lại Showroom theo yêu cầu của Honda Việt Nam và sự chấp thuận của Ban lãnh đạo Công ty làm cho doanh thu của mặt hàng xe máy cũng bị ảnh hưởng; Sản lượng kinh doanh mặt hàng sắt thép cũng sụt giảm đáng kể.

- Mảng cho thuê kho bãi đạt doanh thu cao nhờ doanh thu từ hợp tác đặt trạm sạc xe điện tại một số CHXD. Lợi nhuận kinh doanh kho bãi năm 2023 tăng, một phần là do trong năm không có chi phí đầu tư sửa chữa ở các địa điểm cho thuê mặt bằng.

#### Về Doanh thu:

- Tổng doanh thu năm 2023 là 2.539 tỷ đồng đạt 119,3% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu xăng dầu là 2.428 tỷ đồng, đạt 122,4% kế hoạch năm; doanh thu các ngành khác là 111 tỷ đồng, đạt 76,5% kế hoạch năm.

#### Về Lợi nhuận trước thuế:

- Tổng Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 15,3 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch năm.

## II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Danh sách Ban điều hành

- ◆ Ông **Lại Thế Nghĩa:** Giám đốc
  - Năm sinh: 1978
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 2.605.730 cổ phiếu (tỷ lệ 21%)  
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu  
+ Đại diện PVOIL sở hữu: 2.605.730 cổ phiếu
- ◆ Bà **Nghiêm Thị Thanh Mai:** Phó Giám đốc
  - Năm sinh: 1982
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- ◆ Ông **Nguyễn Anh Tuấn:** Phó Giám đốc
  - Năm sinh: 1981
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- ◆ Ông **Bùi Minh Hiệp:** Phó Giám đốc
  - Năm sinh: 1982
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)
- ◆ Bà **Vũ Hiền Linh:** Phó Phòng phụ trách Phòng Kế toán
  - Năm sinh: 1983
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)

### 2. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty

- Ngày 31/3/2023 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã bầu ra 05 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028: ông Đỗ Hoàng Phúc, ông Hoàng Đình Sơn, ông Nguyễn Quốc Cường, ông Trần Công Lành, ông Phạm Xuân Phong và 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028: bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, bà Ngô Phương Hạnh, ông Nguyễn Thanh Bình.

- Ông Hoàng Đình Sơn thôi tham gia Hội đồng quản trị và không còn là Người đại diện vốn của PVOIL và không còn là Giám đốc Công ty kể từ ngày 20/7/2023.

- Ông Lại Thế Nghĩa là Người đại diện vốn của PVOIL tại Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức kể từ ngày 20/7/2023 thay thế ông Hoàng Đình Sơn.

### **3. Chính sách đối với người lao động**

#### **3.1. Cơ cấu lao động (tính đến 31/12/2023)**

◇ Tổng số lao động trong Công ty: 292 người, trong đó:

- Người điều hành doanh nghiệp: 07 người
- Người điều hành khác: 14 người
- Công nhân viên chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ, bảo vệ: 44 người
- Công nhân viên trực tiếp kinh doanh: 220 người.
- Số cán bộ nhân viên có trình độ Đại học và Cao đẳng là: 89 người; Thạc sĩ: 02 người

◇ Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ: có 44 đảng viên
- Công đoàn cơ sở: có 294 đoàn viên công đoàn
- Đoàn cơ sở: có 45 đoàn viên thanh niên

#### **3.2. Chính sách đối với người lao động**

Trong năm 2023, mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Lãnh đạo Công ty đã có các biện pháp tích cực để hoàn thành kế hoạch kinh doanh, đảm bảo ổn định thu nhập cho NLĐ, đảm bảo chính sách đối với NLĐ theo Thỏa ước lao động tập thể:

- Trong năm, Công ty đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho 523 lượt NLĐ, tổng chi phí đào tạo là 504 triệu đồng.

- Thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở, trong năm 2023, Công ty đã tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp giữa NSDLĐ và NLĐ.

- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV Công ty năm 2023.

- Về tham quan nghỉ mát, Công ty đã tổ chức cho 131 lượt NLĐ với tổng chi phí là 474 triệu đồng.

- Công ty thực hiện đúng chế độ, chính sách cho NLĐ theo quy định của pháp luật và chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định, ngoài ra mua bảo hiểm tai nạn cho NLĐ 24/24 giờ, kịp thời trợ cấp khó khăn đột xuất cho NLĐ. Đối với NLĐ trực tiếp kinh doanh tại CHXD và vận chuyển xăng dầu (tài xế, phụ xế xe tải bồn) được bồi dưỡng chế độ độc hại. Ngoài ra mỗi NLĐ vào ngày sinh nhật đều có quà tặng và NLĐ khi kết hôn đúng Luật Hôn nhân Gia đình được tặng quà theo đúng nội dung Thỏa ước lao động tập thể.

- Công ty đã chú trọng chăm lo đến đời sống tinh thần cho NLĐ thông qua việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; xây dựng văn hóa cơ sở tại doanh nghiệp.

- Hoạt động của Công đoàn Cơ sở:
  - Phối hợp với Ban Giám đốc Công ty tổ chức cho NLĐ nghỉ mát năm 2023 và tổ chức cho NLĐ khám sức khỏe định kỳ năm 2023 theo Thỏa ước lao động tập thể.
  - Cử 06 Cán bộ Công đoàn tham gia tập huấn công tác Thi đua chính sách pháp luật và công tác tổ chức đại hội công đoàn do Công đoàn Dầu Khí và Công đoàn Tổng công ty Dầu Việt Nam tổ chức.
  - Ban Chấp hành công đoàn Công ty tổ chức thăm hỏi đoàn viên công đoàn ốm đau, tang gia,... Trong năm, đã có 17 lượt đoàn viên công đoàn Công ty thuộc diện đau ốm, thăm viếng tư thân phụ mẫu được Công đoàn Dầu khí và Công đoàn Tổng công ty Dầu Việt Nam hỗ trợ 146.000.000 đồng từ quỹ “Tương trợ Dầu khí” và quỹ “PVOIL Chung một tấm lòng”; Tham gia cùng Công đoàn Tổng công ty Dầu Việt Nam trao quà cho các gia đình chính sách trên địa bàn huyện Củ Chi, phối hợp cùng Đoàn thanh niên Công ty tặng quà cho các gia đình chính sách do Công ty đỡ đầu, hỗ trợ trên địa bàn thành phố Thủ Đức.
  - Tổ chức tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm: Chào mừng 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Chào mừng 48 năm ngày Chiến thắng 30/4, chào mừng 15 năm ngày thành lập Tổng công ty Dầu Việt Nam với các hoạt động thiết thực, hiệu quả.
  - Cử 35 Đoàn viên Công đoàn tham gia Hội thao và Hội diễn văn nghệ nhân kỷ niệm 15 năm Ngày thành lập Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Vũng Tàu và Đà Nẵng.
  - Tặng quà cho nữ CBNV nhân ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3); tổ chức tiệc giao lưu thân mật và tặng quà cho nữ CBNV nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
  - Tổ chức trao quà cho 241 cháu là con của NLĐ Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 với tổng số tiền là 72.300.000 đồng, tổ chức khen thưởng cho 120 cháu là con của NLĐ Công ty có kết quả học tập khá, giỏi năm học 2022-2023 với tổng số tiền là 59.000.000 đồng.
  - Phối hợp cùng Đoàn Thanh niên tổ chức Đêm hội Trăng rằm cho các cháu thiếu nhi là con của NLĐ Công ty nhân dịp Tết Trung thu 2023 với nhiều hoạt động ý nghĩa thiết thực, gắn kết.
  - Vận động hỗ trợ NLĐ bị bệnh hiểm nghèo và không may qua đời với tổng số tiền là 51.859.000 đồng.
  - Tham gia cùng Công đoàn Tổng công ty Dầu Việt Nam thăm hỏi tri ân, tặng quà cho các gia đình có công với Cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày Thương binh liệt sĩ.
  - Vận động NLĐ tham gia làm thêm ngày thứ Bảy ủng hộ các quỹ Tương trợ Dầu khí, PVOIL Chung một tấm lòng, Quỹ nghĩa tình đồng đội của Hội Cựu chiến binh,...



- Hoạt động của Đoàn thanh niên:
  - Tham gia hội thi “Rực rỡ sắc Xuân” do Đoàn Tổng công ty Dầu Việt Nam tổ chức.
  - Tham gia “Ngày hội Bánh chưng xanh” chào Xuân Quý Mão 2023 của Đoàn PVOIL tại trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật.
  - Tổ chức chương trình thứ Bảy xanh theo Kế hoạch liên tịch Công đoàn – Đoàn thanh niên tham gia thực hiện Đề án 1114 “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD” đã tiến hành thực hiện dọn dẹp vệ sinh trụ bơm và môi trường khuôn viên CHXD, sơn tiểu đảo - bồn hoa - hầm hàng ở các CHXD.
  - Đưa các cháu thiếu nhi là con của NLĐ Công ty tham dự trại hè “Ngày hè thiếu Nhi PVOIL” tại Happy Farm.
  - Tham dự cuộc thi ảnh “Petrovietnam trong tôi”, nhân dịp kỷ niệm 62 năm Ngày truyền thông ngành Dầu khí Việt Nam, kỷ niệm 15 năm thành lập Đảng bộ Tập Đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức.
  - Vận động đoàn viên thanh niên, đoàn viên công đoàn và người thân của NLĐ Công ty tham gia hiến máu tình nguyện hàng năm do Đoàn Thanh niên Tổng công ty Dầu Việt Nam tổ chức.
  - Năm 2023, Đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được khen thưởng Giấy khen của Đoàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành thực hiện các hạng mục theo kế hoạch như sau:

- Hoàn thành cải tạo sửa chữa lớn CHXD số 1, CHXD số 3, CHXD số 7, CHXD số 15
- Hoàn thành thuê và cải tạo sửa chữa CHXD số 25 tại tỉnh Bình Dương, đưa vào hoạt động trong tháng 11 năm 2023.
- Đang hoàn thiện hồ sơ thuê 02 CHXD tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước và 01 CHXD tại Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Hoàn thành việc cải tạo, sửa chữa các CHXD theo đề án 1114 và các điểm kinh doanh của công ty.

## IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## 1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	390.686.606.903	343.070.627.074	- 12%
Doanh thu thuần	3.073.839.801.085	2.539.694.355.817	- 17%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.712.105.400	9.966.508.758	+ 74%
Lợi nhuận trước thuế	5.612.399.376	15.338.435.024	+173%
Lợi nhuận sau thuế	4.458.730.646	11.888.052.149	+167%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%	6%	+100%

## 2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
$\frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	<i>lần</i>	1,18	1,30	
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
$\frac{\text{Tài sản lưu động} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	<i>lần</i>	0,72	0,80	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	52,13	43,38	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	108,92	76,62	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	<i>lần</i>	36,04	36,60	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	7,87	7,40	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,15	0,47	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,38	6,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,14	3,47	
$\frac{\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh}}{\text{Doanh thu thuần}}$	%	0,19	0,39	

## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	CỔ ĐÔNG LỚN	THỜI ĐIỂM 19/6/2023	
			SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/VĐL (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>		<b>12.179.754</b>	<b>98,22</b>
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>		<b>9.455.155</b>	<b>76,25</b>
1.1	Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL)	x	6.325.730	51,01
1.2	Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO)	x	1.847.160	14,90
1.3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID)	x	1.017.000	8,2
1.4	Tổ chức khác		265.265	2,14
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>		<b>2.724.599</b>	<b>21,97</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>		<b>220.246</b>	<b>1,78</b>
1	Tổ chức		110.950	0,90
2	Cá nhân		109.296	0,88
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12.400.000</b>	<b>100</b>

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 12.400.000 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức không thay đổi vốn cổ phần trong năm 2023.

## VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

### 1. Bảo vệ môi trường

- Vận động, tuyên truyền NLD nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng như điện, nước; giảm thiểu rác thải tại nơi làm việc; giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, kiểm soát và xử lý chất thải đúng quy định, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe con người.

- Thực hiện trồng cây xanh tại các điểm kinh doanh và bên ngoài tòa nhà văn phòng Công ty để giảm lượng khí phát thải ra môi trường.

### 2. Kiểm soát môi trường làm việc

- Công ty luôn tuân thủ các quy định về an toàn – phòng chống cháy nổ, thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC tại các cửa hàng kinh doanh; thường xuyên quan tâm và cải tiến môi trường làm việc xanh, sạch đẹp, an toàn, thoáng mát cho NLD. Trong năm 2023, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

### **3. Chăm lo cho NLD**

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho NLD.

- Công ty đã tổ chức các lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho CBNV và NLD; trang bị bảo hộ lao động cho NLD bao gồm quần áo, giày, bao tay, nón vải, áo mưa,...

- Ban Giám đốc phối hợp cùng Công đoàn Công ty chăm lo lương, thưởng cho NLD nhân các dịp Lễ, Tết.

- Tổ chức các hoạt động chăm lo, thăm hỏi, tặng quà cho NLD nghỉ hưu và NLD có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết Nguyên đán; tặng quà cho nữ CBNV vào dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà sinh nhật cho NLD và tặng quà cho NLD khi kết hôn.

### **4. Đối với cộng đồng và xã hội**

- Công ty đã thực hiện đầu tư, lắp đặt các đường ống công nghệ tại các CHXD theo đúng tiêu chuẩn an toàn và thường xuyên kiểm tra, bảo trì, thực hiện xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của cơ quan chức năng.

- Tổ chức làm thêm vài ngày thứ bảy trong năm để ủng hộ các quỹ “Tương trợ Dầu khí”, quỹ “PVOIL chung một tấm lòng”, quỹ “Vi Thế hệ trẻ” của Đoàn thanh niên, quỹ “Nghĩa tình đồng đội” của Hội cựu chiến binh.

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; Ủng hộ quỹ vì người nghèo tại nơi Công ty có cơ sở hoạt động kinh doanh; thăm hỏi NLD có hoàn cảnh khó khăn; tham gia trao quà cho các gia đình chính sách trên địa bàn huyện Củ Chi; tặng quà cho các gia đình chính sách do Công ty đỡ đầu, hỗ trợ trên địa bàn thành phố Thủ Đức; tham gia thăm hỏi tri ân, tặng quà cho các gia đình có công với Cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày Thương binh liệt sĩ.

## **PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

#### **1. Đặc điểm tình hình**

Năm 2023, thị trường xăng dầu thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng của chiến sự Nga – Ukraina chưa có dấu hiệu dừng lại, hàng loạt những tập đoàn, Công ty lớn trên thế giới vỡ nợ, phá sản dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên thế giới giảm mạnh.

Nền kinh tế nước ta cũng bị ảnh hưởng, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2023, tình hình kinh doanh xăng dầu trong nước tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn khi những dư địa của khủng hoảng nguồn hàng những tháng cuối năm 2022 tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn cung trong nước những tháng đầu năm 2023. Tình hình nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn tiếp tục cắt giảm công suất và ngưng hoạt động giai đoạn 6 tháng đầu năm 2023 cũng ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn hàng và chiết khấu xăng dầu giai đoạn những tháng đầu năm 2023. Tình hình kinh tế trong nước khó khăn, các ngân hàng tăng lãi suất cho vay, các doanh nghiệp xây dựng, vận tải vỡ nợ, phá sản hoặc cắt giảm quy mô ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước.

Giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu trong nước giai đoạn những tháng cuối năm 2023 đang trải qua những kỳ điều chỉnh giảm liên tiếp với biến động lớn. Năm 2023 đã có tổng cộng 38 kỳ điều chỉnh giá.

Nghị định 80/2023/NĐ-CP của Chính Phủ đã ban hành ngày 17/11/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 và Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 với những quy định về thay đổi thời gian điều chỉnh giá bán lẻ trong nước từ 10 ngày xuống 7 ngày; Quy định xuất hóa đơn điện tử từng lần giao dịch triển khai ngay trong tháng 12/2023,... tạo ra những khó khăn, áp lực rất lớn về thời gian, chi phí hoạt động cho các Doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Chủ trương xây dựng các công trình trọng điểm của Thành phố cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quy mô hoạt động của Công ty. Trong năm 2023, Công ty đã phải trả lại mặt bằng 01 cửa hàng xăng dầu và sẽ phải bàn giao thêm từ 01 đến 02 mặt bằng của cửa hàng xăng dầu trong năm 2024.

Những tác động của nền kinh tế cũng đang ảnh hưởng rất lớn đến các mảng kinh doanh dịch vụ ngoài xăng dầu của Công ty: sản lượng bán xe gắn máy và sản lượng bán sắt thép sụt giảm đáng kể.

Bên cạnh những khó khăn về bất ổn nền kinh tế, chính trị trên thế giới, diễn biến giá cả xăng dầu biến động thất thường và những khó khăn đối với nền kinh tế trong nước trong năm 2023, Công ty cũng đã tận dụng được cơ hội để thể hiện vị thế trên thị trường kinh doanh xăng dầu.

Thực hiện theo Nghị định 80/2023/NĐ-CP rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đáp ứng những yêu cầu của Nghị định. Nhiều doanh nghiệp đã và đang có ý định cho thuê hoặc sang nhượng lại cửa hàng xăng dầu (CHXD) tạo điều kiện cho Công ty có điều kiện phát triển thêm mạng lưới bán lẻ. Mặt khác, Nghị định 80/2023/NĐ-CP cho phép thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu được ký đồng thời 3 hợp đồng đại lý cũng là cơ hội để Công ty tiếp cận mở rộng hệ thống đại lý xăng dầu.

Với hệ thống các CHXD trực thuộc chủ yếu nằm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm hơn 70%), còn lại phân bố ở các tỉnh thành lân cận như Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Bình Phước, Tiền Giang, Công ty đang giữ lợi thế có sản lượng bán lẻ ổn định. Với việc sở hữu 10 xe tải bồn, Công ty luôn chủ động trong việc điều tiết hàng hóa cho hệ thống CHXD trực thuộc, hệ thống khách hàng cũng như tiết giảm chi phí kinh doanh của Công ty.

## 2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

- Doanh thu năm 2023: 2.539 tỷ đồng, đạt 119,3% so với kế hoạch năm, đạt 82,6% so với thực hiện năm 2022.

- Sản lượng Kinh doanh xăng dầu năm 2023: 126.034 m<sup>3</sup>, đạt 101,64% so với kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế: 15,3 tỷ đồng đạt 102% so với kế hoạch năm, đạt 273,2% so với thực hiện năm 2022.

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	55,10	49,84
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	44,90	50,16
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	52,13	43,38
Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả	%	87,80	88,52
Nợ dài hạn/Nợ phải trả	%	12,20	11,48
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	47,87	56,62
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,20	1,30
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,71	0,79

## **2. Tình hình nợ phải trả**

- Tổng các khoản nợ ngắn hạn là 131.742.984.680 đồng.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024**

Năm 2024 dự báo tình hình kinh doanh xăng dầu sẽ còn nhiều diễn biến khó lường. Công ty xây dựng kế hoạch năm 2024 căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2023, trên tinh thần cẩn trọng và hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam về chiết khấu hoa hồng, giá bán xăng dầu các loại.

#### **1. Các chỉ tiêu chính**

- Sản lượng KD xăng dầu : 127.100 m<sup>3</sup>
- Doanh thu : 2.372,6 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 10,1 tỷ đồng.

#### **2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024**

- Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ theo các quy định của Nhà nước song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh, phấn đấu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 03 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh, đẩy mạnh kinh doanh dầu mỡ nhờn của PVOIL Lube.

- Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh kinh doanh những ngành hàng phù hợp, xác định lấy kinh doanh xăng dầu là lĩnh vực kinh doanh chính và trọng tâm để đẩy mạnh phát triển. Việc triển khai các dự án đầu tư sẽ thực hiện trên nguyên tắc thận trọng, trên cơ sở cân đối nguồn lực của Công ty và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Tập trung gia tăng sản lượng bán lẻ xăng dầu thông qua các CHXD hiện hữu và phát triển mới trong năm 2024; Đẩy mạnh triển khai chương trình PVOIL Easy, PVOIL B2B và các hình thức bán hàng ứng dụng công nghệ thông tin khác cùng với đa dạng hóa các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (QR Code, MoMo, ViettelPay,...).

- Triển khai kinh doanh các dịch vụ phi xăng dầu tại các CHXD.

- Tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các cửa hàng xăng dầu theo đề án 1114 của Tổng công ty Dầu Việt Nam- CTCP.

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội phát triển CHXD theo các hình thức (thuê dài hạn, tự đầu tư, hợp tác đầu tư) trên cơ sở cân đối nguồn vốn phù hợp với quy định và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát đối với công tác đầu tư CHXD để đảm bảo đầu tư hiệu quả tốt nhất.

- Tiếp tục bám sát tình hình thị trường, tập trung vào lĩnh vực chính là kinh doanh xăng dầu, duy trì các lĩnh vực kinh doanh ngoài xăng dầu theo nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và bảo toàn vốn.

- Tăng cường kiểm soát, tiết giảm chi phí kinh doanh thông qua các hình thức khoán chi phí cho các bộ phận, đơn vị kinh doanh.
- Tăng cường công tác quản trị, thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro trong kinh doanh; Tăng cường về kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, giảm thiểu rủi ro về công nợ bán hàng.
- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động; Duy trì các chính sách lương, thưởng hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao đời sống người lao động.
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định về công tác phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong hoạt động kinh doanh.

#### **IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

##### ***1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường***

- Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CHXD trực thuộc Công ty; tổ chức đo kiểm chất thải, nước thải, đo kiểm các chỉ tiêu về vi khí hậu, môi trường làm việc tại các CHXD. Việc đo, kiểm được cơ quan có thẩm quyền thực hiện định kỳ mỗi năm 02 lần và kết quả các chỉ số đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
- Công ty đã trang bị các thùng rác có nhãn nhận biết loại rác sinh hoạt hay rác thải rắn nguy hại tại các điểm kinh doanh trực thuộc và văn phòng Công ty và được các đơn vị chức năng đến thu gom theo định kỳ.

##### ***2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội***

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; Ủng hộ quỹ vì người nghèo tại nơi Công ty có cơ sở hoạt động kinh doanh; thăm hỏi NLD có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức các khóa đào tạo, các lớp tập huấn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBNV, nâng cao ý thức bảo vệ an toàn về người và tài sản, các kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp về an toàn lao động- môi trường- PCCC.
- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLD, đảm bảo sức khỏe, an toàn vệ sinh cho NLD.



## **PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Năm 2023 tiếp tục là năm đầy sóng gió và khó khăn của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, vận tải, sản xuất,... điều chỉnh/cắt giảm quy mô làm ảnh hưởng lớn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước.

Bên cạnh những khó khăn về bất ổn nền kinh tế, chính trị trên thế giới nói chung và những khó khăn đối với kinh tế trong nước nói riêng, diễn biến giá cả xăng dầu biến động thất thường, chiết khấu thị trường thấp, khan hiếm nguồn hàng,... Song trong năm 2023 cũng đang là thách thức cũng như là cơ hội để Công ty thể hiện vị thế và vai trò trên thị trường kinh doanh xăng dầu.

Với sự đoàn kết, nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty đã giúp Công ty vượt qua khó khăn, đảm bảo công ăn việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động và đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2023: 2.539 tỷ đồng, đạt 119,3% so với kế hoạch năm.

- Sản lượng kinh doanh xăng dầu năm 2023: 126.034 m<sup>3</sup> , đạt 101,64% so với kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2023: 15,3 tỷ đồng đạt 102% so với kế hoạch năm.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo đúng pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và luôn đảm bảo trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

### **II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

- Trong điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn trong năm 2023, Ban điều hành Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, kịp thời, hạn chế các thiệt hại, rủi ro trong kinh doanh.

- Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT một cách kịp thời, đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao; duy trì chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và tham gia ý kiến với HĐQT về việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

- Ban điều hành luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, điều hành kinh doanh một cách linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT, phù hợp với diễn biến của thị trường kinh doanh xăng dầu, ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo việc làm cho NLĐ và bảo toàn vốn cho cổ đông.

### III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển ngành kinh doanh chính là xăng dầu, nghiên cứu tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh ngoài xăng dầu, đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ mới, áp dụng các phương thức kinh doanh, hợp tác, đầu tư, ... để gia tăng sản lượng xăng dầu qua các kênh, mở rộng thị phần đẩy mạnh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đảm bảo về chất lượng hàng hóa, giá cả cạnh tranh và đúng quy định của Nhà nước về quản lý giá xăng dầu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn.

- Chỉ đạo công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và đối tác; tiếp tục tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.



## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên:

- Ông **Đỗ Hoàng Phúc** : **Chủ tịch HĐQT**
  - Năm sinh: 1963
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tổng hợp TP.HCM
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 3.720.000 cổ phiếu (tỷ lệ 30%)
    - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
    - + Đại diện PVOIL, sở hữu: 3.720.000 cổ phiếu
- Ông **Lại Thế Nghĩa** : **Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty**
  - Năm sinh: 1978
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 2.605.730 cổ phiếu (tỷ lệ 21%)
    - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
    - + Đại diện PVOIL, sở hữu: 2.605.730 cổ phiếu
- Ông **Nguyễn Quốc Cường**: **Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)**
  - Năm sinh: 1980
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn.
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Ông **Trần Công Lành**: **Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)**
  - Năm sinh: 1980
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng phòng Pháp chế Cty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 1.847.160 cổ phiếu
    - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
    - + Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO), sở hữu: 1.847.160 cổ phiếu (tỷ lệ 14,9%)

- Ông **Phạm Xuân Phong**: Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập)
  - Năm sinh: 1987
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có
  - Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)

## 2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT

### 2.1. Tiểu ban Chính sách phát triển: gồm có 05 thành viên

- Trưởng ban: Ông Lại Thế Nghĩa – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
  - Ông Phạm Văn Tấn – Trưởng phòng Kinh doanh
  - Bà Vũ Hiền Linh – Phó phụ trách Phòng Kế toán
  - Ông Ngô Minh Thắng – Phó phòng Kinh doanh
  - Ông Đinh Trung Dũng – Phó phòng Đầu tư

### 2.2. Tiểu ban Nhân sự- Lương thưởng: gồm có 03 thành viên

- Trưởng ban: Ông Lại Thế Nghĩa – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
  - Ông Đặng Quế Sơn – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
  - Bà Nguyễn Thị Mai – Phó phòng Tổ chức Hành chính

## 3. Hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành quản lý chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công nợ khách hàng để phòng ngừa và hạn chế rủi ro; chỉ đạo Ban điều hành rà soát và sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định trong kinh doanh, quản lý chi phí, tiền hàng, công nợ khách hàng.

- Giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; xem xét, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty trên cơ sở các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý của Ban điều hành.

- Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị và tổ chức tốt Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

Phối hợp hoạt động:

- HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động của Công ty và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT, Ban điều hành Công ty luôn tạo điều kiện và hỗ trợ cho BKS trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát trong phạm vi, quyền hạn được quy định.

- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và tham gia góp ý cho HĐQT và Ban điều hành Công ty về tình hình quản lý tiền hàng, công nợ tại các điểm kinh doanh của Công ty.

- Ban Giám đốc đã duy trì thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng tháng cho HĐQT; Các bộ phận nghiệp vụ của Công ty cung cấp kịp thời số liệu và báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu cho BKS.

- HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty đã phối hợp chặt chẽ trong công tác giám sát, quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách tốt nhất theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm hướng đến mục tiêu phát triển chung của Công ty và đảm bảo lợi ích chính đáng cho các cổ đông và NLĐ Công ty.

#### 4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp hoặc thông qua lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản với các nội dung chính như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung chính
1	01/NQ-TMC-HĐQT	17/02/2023	Nghị quyết họp HĐQT thông qua báo cáo tài chính năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; thông qua lịch trình, nội dung, chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
2	02/QĐ-TMC-HĐQT	24/02/2023	Quyết định HĐQT về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
3	04/QĐ-TMC-HĐQT	13/3/2023	Quyết định HĐQT về việc thành lập Ban bầu cử tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.
4	07/NQ-TMC-HĐQT	31/3/2023	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028.

5	08/QĐ-TMC-HĐQT	26/4/2023	Quyết định HĐQT về việc phân công nhiệm vụ cho các Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.
6	09/QĐ-TMC-HĐQT	26/4/2023	Quyết định HĐQT về việc kiện toàn nhân sự cho 02 tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
7	10/NQ-TMC-HĐQT	28/4/2023	Nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư cửa hàng xăng dầu Phú Hữu.
8	12/NQ-TMC-HĐQT	31/5/2023	Quyết định HĐQT về việc quyết toán quỹ tiền lương năm 2022.
9	13/NQ-TMC-HĐQT	22/6/2023	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
10	14/NQ-TMC-HĐQT	22/6/2023	Nghị quyết họp HĐQT về việc thông qua kết quả kinh doanh ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 và triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2023.
11	15/QĐ-TMC-HĐQT	18/7/2023	Quyết định HĐQT về việc bổ sung chức danh công việc kiêm nhiệm thuộc Quy chế trả lương- trả thưởng của Công ty.
12	16/NQ-TMC-HĐQT	20/7/2023	Nghị quyết HĐQT về công tác cán bộ (miễn nhiệm ông Hoàng Đình Sơn, bổ nhiệm ông Lại Thế Nghĩa làm thành viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Công ty).
13	17/QĐ-TMC-HĐQT	20/7/2023	Quyết định HĐQT về việc ông Hoàng Đình Sơn thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty.
14	18/QĐ-TMC-HĐQT	20/7/2023	Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm ông Lại Thế Nghĩa giữ chức vụ Giám đốc Công ty.
15	19/QĐ-TMC-HĐQT	21/7/2023	Quyết định HĐQT về việc kiện toàn Hội đồng xét duyệt công nợ khách hàng.

16	20/QĐ-TMC-HĐQT	24/7/2023	Quyết định HĐQT về việc kiện toàn nhân sự cho 02 Tiểu ban trực thuộc HĐQT.
17	21/QĐ-TMC-HĐQT	24/7/2023	Quyết định HĐQT về việc phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT.
18	22/NQ-TMC-HĐQT	09/8/2023	Nghị quyết HĐQT phê duyệt chủ trương thuê trạm xăng dầu tại đường ĐT 741 ấp Thuận Hải, Thuận Phú, Đồng Phú, Bình Phước.
19	24/NQ-TMC-HĐQT	20/9/2023	Nghị quyết HĐQT thông qua báo cáo kết quả kinh doanh ước 9 tháng năm 2023, phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023.
20	25/QĐ-TMC-HĐQT	20/9/2023	Quyết định HĐQT về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023.
21	26/QĐ-TMC-HĐQT	25/9/2023	Nghị quyết HĐQT phê duyệt chủ trương thuê QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu phố Bình Thung 2, phường Bình An, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương để làm địa điểm kinh doanh.
22	27/QĐ-TMC-HĐQT	10/10/2023	Quyết định HĐQT về việc thành lập địa điểm kinh doanh Cửa hàng xăng dầu số 25.
23	28/QĐ-TMC-HĐQT	25/12/2023	Quyết định HĐQT về việc ban hành Quy chế trả lương của Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức.
24	29/NQ-TMC-HĐQT	25/12/2023	Nghị quyết HĐQT phê duyệt chủ trương thuê QSD đất và tài sản gắn liền trên đất tại 1164/2A Khu phố Đông Chiêu P.Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương để làm địa điểm kinh doanh.
25	30/NQ-TMC-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết HĐQT thông qua việc ký hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Vietinbank.

### 5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định, quy chế của HĐQT.

- Tiểu ban chính sách phát triển: tham mưu cho HĐQT về chiến lược kinh doanh của Công ty; tham mưu cho HĐQT về việc đầu tư, phát triển mới các cửa hàng xăng dầu.

- Tiểu ban nhân sự, lương thưởng: rà soát, góp ý về các chính sách về tiền lương, thưởng; tham mưu, đề xuất bổ sung các chức danh vào Quy chế trả lương- trả thưởng. Trong năm 2023, Công ty đã cho sửa đổi và ban hành lại Quy chế trả lương. Việc đề cử, ứng cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự cấp quản lý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## II. BAN KIỂM SOÁT

### 1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên:

• Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách

- Năm sinh: 1979

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Số cổ phiếu nắm giữ: 4.600 cổ phiếu (tỷ lệ 0,03%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

• Bà Ngô Phương Hạnh: Kiểm soát viên

- Năm sinh: 1974

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

• Ông Nguyễn Thanh Bình: Kiểm soát viên

- Năm sinh: 1962

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

- Số cổ phiếu nắm giữ: 189.500 cổ phiếu (tỷ lệ 1,53%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 189.500 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

### 2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

- Thực hiện rà soát, đánh giá việc triển khai các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Xem xét công tác giám sát của HĐQT đối với BDH; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh và công tác quản lý điều hành của BDH; thẩm tra các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán; giám sát đánh giá tình hình tài chính, tính tuân thủ, tình hình



quản lý, sử dụng vốn, việc quản lý công nợ khách hàng và khả năng thanh toán nợ của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật.

### III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD

#### 1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Tổng thù lao chi cho HĐQT và BKS không chuyên trách năm 2023 là 234.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng).

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

#### 2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Giao dịch mua xăng dầu từ Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO) để kinh doanh. SAIGON PETRO là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. Tổng trị giá giao dịch thực hiện trong năm 2023 là 297.919.890.455 đồng (Hai trăm chín mươi bảy tỷ chín trăm mười chín triệu tám trăm chín mươi ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

- Giao dịch mua bán xăng dầu với các đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) để kinh doanh. PVOIL là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. Tổng trị giá giao dịch thực hiện trong năm 2023 là 2.003.386.203.950 đồng (Hai ngàn không trăm lẻ ba tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu hai trăm lẻ ba ngàn chín trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

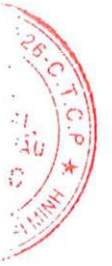
3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *meu*



Lại Thế Nghĩa

**PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2024

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch
Ông Lại Thế Nghĩa	Thành viên, Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 20/07/2023)
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên, Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/07/2023)
Ông Trần Công Lành	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Ông Phạm Xuân Phong	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 31/03/2023)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/03/2023)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc
Ông Bùi Minh Hiệp	Phó Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Lại Thế Nghĩa**  
**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Số: 11/2024/KT-AVI-TC2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31/01/2024, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại thuyết minh số 10 của bản thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm, Công ty đang ghi nhận trên khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý đối với giá trị các loại xăng, dầu phát hiện thiếu tại thời điểm kiểm kê lúc 9h00 ngày 15/05/2023 đối với Chi nhánh CHXD số 4. Công ty đang tiếp tục làm việc với các cấp có thẩm quyền và cá nhân liên quan để xử lý theo quy định. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



---

**Nguyễn Đức Dương**  
**Phó Tổng giám Đốc**  
Số giấy CNĐKHNKT 0387-2023-055-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Đỗ Huy Anh".

---

**Đỗ Huy Anh**  
**Kiểm toán viên**  
Số giấy CNĐKHNKT 5105-2021-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MẪU SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>171.003.476.242</b>	<b>215.251.745.681</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>34.245.413.092</b>	<b>52.303.677.654</b>
1. Tiền	111	5	34.245.413.092	52.303.677.654
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>745.384.424</b>	<b>788.627.844</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		851.071.996	851.071.996
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(105.687.572)	(62.444.152)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.227.774.831</b>	<b>74.282.785.783</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	44.746.219.890	54.094.491.445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	882.304.580	1.674.843.354
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	21.326.339.293	18.513.450.984
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(235.851.000)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	2.508.762.068	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>65.799.354.408</b>	<b>81.950.326.541</b>
1. Hàng tồn kho	141		65.799.354.408	81.950.326.541
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>985.549.487</b>	<b>5.926.327.859</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	927.800.544	1.482.535.832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.975.670	3.379.057.871
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	33.773.273	1.064.734.156
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>172.067.150.832</b>	<b>175.434.861.222</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>120.149.805.611</b>	<b>128.336.572.346</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	42.113.009.630	48.427.745.813
- Nguyên giá	222		149.057.646.342	149.057.646.342
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.944.636.712)	(100.629.900.529)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	78.036.795.981	79.908.826.533
- Nguyên giá	228		102.373.187.883	102.373.187.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.336.391.902)	(22.464.361.350)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>5.508.636.542</b>	<b>5.994.692.714</b>
- Nguyên giá	231		12.203.241.726	12.203.241.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.694.605.184)	(6.208.549.012)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>6.273.222.446</b>	<b>6.261.639.081</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.922.871.000	8.922.871.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.649.648.554)	(2.661.231.919)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.135.486.233</b>	<b>34.841.957.081</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	39.749.789.368	34.418.934.696
2. Tài sản dài hạn khác	268	16	385.696.865	423.022.385
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>343.070.627.074</b>	<b>390.686.606.903</b>

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang số 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>148.832.364.444</b>	<b>203.680.062.986</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>131.742.984.680</b>	<b>178.830.501.398</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	86.684.247.608	133.484.876.959
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		572.467.429	291.215.727
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.453.968.502	188.744.589
4. Phải trả người lao động	314		18.051.105.321	22.530.634.272
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	23.940.444.310	22.554.251.276
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.751.510	(219.221.425)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.089.379.764</b>	<b>24.849.561.588</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	17.018.030.278	20.021.212.102
2. Phải trả dài hạn khác	337		71.349.486	71.349.486
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	4.757.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>194.238.262.630</b>	<b>187.006.543.917</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>194.238.262.630</b>	<b>187.006.543.917</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.000.000.000	124.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.458.121.096	27.458.121.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.867.578.606	30.867.578.606
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.912.562.928	4.680.844.215
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.510.779	222.113.569
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.888.052.149	4.458.730.646
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>343.070.627.074</b>	<b>390.686.606.903</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Xương

Phụ trách kế toán

Vũ Hiền Linh

Giám đốc



Lại Thế Nghĩa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	2.540.104.817.221	3.074.239.633.926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		410.461.404	399.832.841
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.539.694.355.817	3.073.839.801.085
3. Giá vốn hàng bán	11	24	2.408.082.842.081	2.953.519.564.895
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131.611.513.736	120.320.236.190
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.139.480.192	2.850.652.804
6. Chi phí tài chính	22	26	64.161.149	95.053.143
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	12.657.534
7. Chi phí bán hàng	25	27	75.103.316.122	74.281.808.136
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	49.617.007.899	43.081.922.315
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.966.508.758	5.712.105.400
10. Thu nhập khác	31	29	5.954.314.428	159.288.921
11. Chi phí khác	32	29	582.388.162	258.994.945
12. Lợi nhuận khác	40		5.371.926.266	(99.706.024)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.338.435.024	5.612.399.376
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.450.382.875	1.153.668.730
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.888.052.149	4.458.730.646
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	959	284

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Thu Xương

Phụ trách kế toán

Vũ Hiền Linh

Giám đốc



Lại Thế Nghĩa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2023	2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.338.435.024	5.612.399.376
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.672.822.907	9.405.768.769
- Các khoản dự phòng	03	(4.489.488.945)	43.568.345
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(102.000.920)	(202.603.733)
- Chi phí lãi vay	06	-	12.657.534
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.419.768.066	14.871.790.291
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.242.528.556	(38.857.123.386)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.150.972.133	(1.211.773.233)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(52.335.523.754)	72.487.250.394
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.776.119.384)	679.185.625
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	348.015.282
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(12.657.534)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.502.842.118)	(4.006.214.667)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	32.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(708.374.501)	(3.908.951.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(14.477.591.002)</b>	<b>40.389.520.996</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	4.305.368.512
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	139.326.440	239.929.253
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>139.326.440</b>	<b>4.545.297.765</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	20.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(20.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.720.000.000)	(11.160.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(3.720.000.000)</b>	<b>(11.160.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(18.058.264.562)</b>	<b>33.774.818.761</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>52.303.677.654</b>	<b>18.528.858.893</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>34.245.413.092</b>	<b>52.303.677.654</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2023

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Xương

Vũ Hiền Linh

Lại Thế Nghĩa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 21 ngày 01 tháng 08 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 124.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP góp 63.257.300.000 đồng, tương đương 51,01% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh góp 18.471.600.000 đồng tương đương 14,90 % vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác góp 42.271.100.000 đồng tương đương 34,09% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231 đường Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 292 người (tại 31/12/2022 là 296 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, hội nghị, tiệc cưới;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Tuyên bố về khả năng so sánh được**

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính năm nay đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**Cơ sở lập báo cáo**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**3 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định trong chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Mức khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 36 tháng.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**Quỹ tiền lương**

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và các hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ lương với số tiền là 56,45 tỷ đồng. Quỹ lương của Công ty sẽ được quyết toán khi nhận được phê duyệt chính thức của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

**3 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:*

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:*

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm lãi tiền gửi, lãi thanh toán trước hạn cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, trả trước và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh



**3 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chỉ phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	8.290.084.011	222.100.603
Tiền gửi ngân hàng	25.845.373.081	52.081.577.051
Tiền đang chuyển	109.956.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>34.245.413.092</u></b>	<b><u>52.303.677.654</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MẪU SỐ B09 - DN

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>a. Cổ phiếu</b>				
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	265.365.605	159.800.000	265.365.605	203.040.000
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu (COM)	585.538.344	585.538.344	585.538.344	585.538.344
Công ty Cổ phần Thép Pomina (POM)	168.047	46.080	168.047	49.500
<b>Cộng</b>	<b>851.071.996</b>	<b>745.384.424</b>	<b>851.071.996</b>	<b>788.627.844</b>
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Dệt Đông A	897.500.000	-	897.500.000	-
Công ty Cổ phần XNK Vĩnh Long	339.000.000	-	339.000.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng Công ty Thương mại Kỹ Thuật và Đầu tư - CTCP	4.186.371.000	2.773.222.446	4.186.371.000	2.761.639.081
<b>Cộng</b>	<b>8.922.871.000</b>	<b>6.273.222.446</b>	<b>8.922.871.000</b>	<b>6.261.639.081</b>
		<b>(2.649.648.554)</b>		<b>(2.661.231.919)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Bình Dương	12.559.970.600	14.204.796.221
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép GEMADEPT - TERMINAL LINK	5.428.030.000	3.538.043.240
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	939.610.640	719.091.460
Công ty Cổ phần TRANSIMEX LOGISTICS	1.088.016.930	788.123.589
Các đối tượng khác	24.730.591.720	34.844.436.935
<b>Cộng</b>	<b><u>44.746.219.890</u></b>	<b><u>54.094.491.445</u></b>
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan</i>	<b>685.153.535</b>	<b>471.702.000</b>
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	471.702.000	471.702.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	213.451.535	-

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Honda Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	295.368.052	979.139.746
Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Dương	-	247.500.000
Công ty TNHH Luật Khang Trí	216.000.000	-
Các đối tượng khác	370.936.528	448.203.608
<b>Cộng</b>	<b><u>882.304.580</u></b>	<b><u>1.674.843.354</u></b>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Các khoản ký quỹ, ký cược	4.384.583.800	4.246.583.800
Tạm ứng	1.058.529.000	902.220.000
Phải thu khác	15.883.226.493	13.364.647.184
<b>Cộng</b>	<b><u>21.326.339.293</u></b>	<b><u>18.513.450.984</u></b>
<i>Trong đó: phải thu khác bên liên quan (*)</i>	<b>5.894.371.354</b>	<b>6.512.282.969</b>

(\*) Xem thuyết minh số 32.

**10. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

Số dư tài sản thiếu chờ xử lý phản ánh giá trị các loại xăng, dầu phát hiện thiếu tại thời điểm kiểm kê lúc 9h00 ngày 15/05/2023 đối với Chi nhánh CHXD số 4. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty đã cung cấp hồ sơ, chứng từ tới các cấp có thẩm quyền để tiếp tục làm việc, xác định trách nhiệm của cá nhân liên quan và xử lý theo quy định. Theo đó, số dư tài sản thiếu chờ xử lý có thể thay đổi (nếu có) khi các bên cung cấp bổ sung hồ sơ, đối chiếu và xác nhận giá trị xăng, dầu thiếu nêu trên cũng như quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	132.245.048	-	132.245.048	-
Xăng E5 RON 92-II	2.161.138.660	-	2.725.425.692	-
Xăng RON 95	37.482.339.732	-	45.791.688.091	-
Dầu DO 0.05%S	13.978.962.605	-	16.811.048.448	-
Xe máy, phụ tùng	10.750.299.317	-	11.143.326.371	-
Sắt thép	100.388.366	-	3.363.730.929	-
Hàng hóa khác	1.193.980.680	-	1.982.861.962	-
<b>Cộng</b>	<b>65.799.354.408</b>	<b>-</b>	<b>81.950.326.541</b>	<b>-</b>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>927.800.544</b>	<b>1.482.535.832</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo CHXD	118.358.625	247.477.125
Công cụ dụng cụ	566.504.424	967.104.161
Chi phí khác chờ phân bổ	242.937.495	267.954.546
<b>b) Dài hạn</b>	<b>39.749.789.368</b>	<b>34.418.934.696</b>
Chi phí mua quyền sử dụng đất tại CHXD Phú Hữu	32.945.266.800	33.666.696.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo CHXD, cửa hàng xe gắn máy	4.213.291.204	-
Chi phí thuê CHXD	1.736.000.000	752.238.696
Chi phí bảng hiệu, công cụ dụng cụ	855.231.364	-
<b>Cộng</b>	<b>40.677.589.912</b>	<b>35.901.470.528</b>

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	20.118.319.636	81.320.628.247	934.240.000	102.373.187.883
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	<b>20.118.319.636</b>	<b>81.320.628.247</b>	<b>934.240.000</b>	<b>102.373.187.883</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	-	21.530.121.350	934.240.000	22.464.361.350
Tăng trong năm	-	1.872.030.552	-	1.872.030.552
Khấu hao trong năm	-	1.872.030.552	-	1.872.030.552
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	<b>23.402.151.902</b>	<b>934.240.000</b>	<b>24.336.391.902</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2023	<b>20.118.319.636</b>	<b>59.790.506.897</b>	-	<b>79.908.826.533</b>
Tại ngày 31/12/2023	<b>20.118.319.636</b>	<b>57.918.476.345</b>	-	<b>78.036.795.981</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

MÃ SỐ B09 - DN

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	103.947.876.627	25.431.344.633	18.819.471.563	858.953.519	149.057.646.342
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	103.947.876.627	25.431.344.633	18.819.471.563	858.953.519	149.057.646.342
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	61.837.571.749	22.212.122.718	15.721.252.543	858.953.519	100.629.900.529
Tăng trong năm	4.644.310.217	860.209.384	810.216.582	-	6.314.736.183
Khấu hao trong năm	4.644.310.217	860.209.384	810.216.582	-	6.314.736.183
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	66.481.881.966	23.072.332.102	16.531.469.125	858.953.519	106.944.636.712
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2023	42.110.304.878	3.219.221.915	3.098.219.020	-	48.427.745.813
Tại ngày 31/12/2023	37.465.994.661	2.359.012.531	2.288.002.438	-	42.113.009.630

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại 31/12/2023 là 58.463.094.723 đồng (tại 31/12/2022 là 55.183.958.259 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2023	12.203.241.726	12.203.241.726
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2023	<u>12.203.241.726</u>	<u>12.203.241.726</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2023	6.208.549.012	6.208.549.012
Tăng trong năm	486.056.172	486.056.172
Khấu hao trong năm	486.056.172	486.056.172
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2023	<u>6.694.605.184</u>	<u>6.694.605.184</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	<u>5.994.692.714</u>	<u>5.994.692.714</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>5.508.636.542</u>	<u>5.508.636.542</u>

**16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản hợp tác kinh doanh (*)	385.696.865	423.022.385
<b>Cộng</b>	<u>385.696.865</u>	<u>423.022.385</u>

(\*) Giá trị còn lại của các tài sản sử dụng để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002 và phục lục hợp đồng số 19 ngày 02/11/2021 với Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh. Hình thức hợp tác kinh doanh: Tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh. Thời gian hoạt động của dự án là 30 năm. Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

MÃ SỐ B09 - DN

## 17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	Giá trị VND	VND
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	82.543.723.269	82.543.723.269	119.357.414.220	119.357.414.220
Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	213.800.000	213.800.000	4.248.000.000	4.248.000.000
Tổng Công ty Kỹ thuật và Dầu tư - CTCP	-	-	4.120.000.000	4.120.000.000
Công ty Honda Việt Nam- Chi nhánh TP HCM	1.018.273.643	1.018.273.643	1.238.133.674	1.238.133.674
Các đối tượng khác	2.908.450.696	2.908.450.696	4.521.329.065	4.521.329.065
<b>Cộng</b>	<b>86.684.247.608</b>	<b>86.684.247.608</b>	<b>133.484.876.959</b>	<b>133.484.876.959</b>
<i>Trong đó: Số dư phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>85.287.245.881</i>	<i>85.287.245.881</i>	<i>130.091.057.566</i>	<i>130.091.057.566</i>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	56.473.932	56.473.932	600.600.000	600.600.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	82.543.723.269	82.543.723.269	119.357.414.220	119.357.414.220
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM	213.800.000	213.800.000	4.248.000.000	4.248.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	664.331.650	664.331.650	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	61.164.920	61.164.920	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	695.767.160	695.767.160	439.375.250	439.375.250
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	-	719.468.130	719.468.130
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	1.051.984.950	1.051.984.950	606.199.966	606.199.966
Tổng Công ty Kỹ thuật và Dầu tư - CTCP	-	-	4.120.000.000	4.120.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

## 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải thu	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ	-	50.681.113	7.703.699.599	6.770.623.066	33.773.273	983.757.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.064.734.156	-	3.567.720.654	1.502.842.118	-	1.000.144.380
Thuế thu nhập cá nhân	-	138.063.476	2.408.179.536	2.076.176.536	-	470.066.476
Các loại thuế khác	-	-	4.628.419.274	4.628.419.274	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.064.734.156</b>	<b>188.744.589</b>	<b>18.308.019.063</b>	<b>14.978.060.994</b>	<b>33.773.273</b>	<b>2.453.968.502</b>

Trong đó:

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

188.744.589

2.453.968.502

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

1.064.734.156

33.773.273



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.026.354.440	6.997.663.840
Các đối tượng khác	16.914.089.870	15.556.587.436
<b>Cộng</b>	<b>23.940.444.310</b>	<b>22.554.251.276</b>
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan (*)</i>	<i>13.095.786.774</i>	<i>13.094.498.191</i>

(\*) Xem thuyết minh số 32.

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín trả trước tiền về cho thuê BĐS Đầu tư	17.018.030.278	20.021.212.102
<b>Cộng</b>	<b>17.018.030.278</b>	<b>20.021.212.102</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>27.458.121.096</b>	<b>15.235.936.854</b>	<b>30.454.668.968</b>	<b>197.148.726.918</b>
Lãi trong năm	-	-	4.458.730.646	-	4.458.730.646
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(412.909.638)	412.909.638	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.440.913.647)	-	(3.440.913.647)
Trả cổ tức	-	-	(11.160.000.000)	-	(11.160.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>27.458.121.096</b>	<b>4.680.844.215</b>	<b>30.867.578.606</b>	<b>187.006.543.917</b>
Lãi trong năm	-	-	11.888.052.149	-	11.888.052.149
Phân phối lợi nhuận	-	-	(4.656.333.436)	-	(4.656.333.436)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(936.333.436)	-	(936.333.436)
- Trả cổ tức	-	-	(3.720.000.000)	-	(3.720.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>27.458.121.096</b>	<b>11.912.562.928</b>	<b>30.867.578.606</b>	<b>194.238.262.630</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 06/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	63.257.300.000	51,01%	63.257.300.000	51,01%
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90%	18.471.600.000	14,90%
Vốn góp đối tượng khác	42.271.100.000	34,09%	42.271.100.000	34,09%
<b>Cộng</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>124.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.400.000	12.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu):	10.000	10.000

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Hàng hóa nhận giữ hộ</b>	<b>118.782</b>	<b>60.154</b>
- Dầu DO 0.05%S	16.127	43.547
- Xăng RON 95	74.651	15.234
- Xăng E5 RON 92-II	28.004	1.373

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng dầu, nhớt	2.434.017.888.993	2.932.576.305.593
Doanh thu kinh doanh xăng RON 95	1.500.971.356.083	1.614.789.424.320
Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.05%S	744.071.317.731	1.039.191.701.459
Doanh thu kinh doanh xăng E5 RON 92-II	183.886.531.967	271.519.561.031
Doanh thu kinh doanh dầu KO	6.081.255	2.661.839.744
Doanh thu kinh doanh nhớt	5.082.601.957	4.413.779.039
Doanh thu kinh doanh xe máy	84.259.518.095	112.203.099.370
Doanh thu kinh doanh sắt thép	6.983.708.034	17.048.774.721
Doanh thu cho thuê mặt bằng và khác	14.843.702.099	12.411.454.242
<b>Cộng</b>	<b>2.540.104.817.221</b>	<b>3.074.239.633.926</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>410.461.404</b>	<b>399.832.841</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.539.694.355.817</b>	<b>3.073.839.801.085</b>
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (*)	2.129.596.890	1.362.999.873

(\*) Chi tiết xem tại thuyết minh số 32.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn kinh doanh xăng dầu, nhớt	2.324.668.671.915	2.838.564.392.897
Giá vốn kinh doanh xăng RON 95	1.435.490.126.884	1.565.770.485.847
Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.05%S	710.136.226.982	1.005.792.934.226
Giá vốn kinh doanh xăng E5 RON 92-II	174.809.090.776	260.936.368.032
Dầu KO	6.931.317	2.497.853.617
Nhớt các loại	4.226.295.956	3.566.751.175
Giá vốn kinh doanh xe máy	74.376.314.513	97.021.144.737
Giá vốn kinh doanh sắt thép	6.611.466.617	15.312.203.580
Giá vốn cho thuê mặt bằng và khác	2.426.389.036	2.621.823.681
<b>Cộng</b>	<b>2.408.082.842.081</b>	<b>2.953.519.564.895</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	88.276.440	104.289.253
Cổ tức lợi nhuận được chia	51.050.000	135.640.000
Thu từ hợp tác kinh doanh	2.733.722.478	2.514.640.908
Khác	266.431.274	96.082.643
<b>Cộng</b>	<b>3.139.480.192</b>	<b>2.850.652.804</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	-	12.657.534
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	43.243.420	62.407.955
Hoàn nhập các khoản dự phòng đầu tư tài chính	(11.583.361)	(18.839.610)
Chi phí tài chính khác	32.501.090	38.827.264
<b>Cộng</b>	<b>64.161.149</b>	<b>95.053.143</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>75.103.316.122</b>	<b>74.281.808.136</b>
Chi phí nhân công	43.906.513.396	42.639.787.757
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	5.989.225.330	7.661.388.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.218.576.723	6.779.326.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.457.911.059	14.554.721.391
Chi phí bằng tiền khác	2.531.089.614	2.646.583.695
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>49.617.007.899</b>	<b>43.081.922.315</b>
Chi phí nhân công	27.201.806.613	26.028.263.359
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	1.414.315.845	1.377.606.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.857.148	27.857.148
Chi phí dự phòng	235.851.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.106.937.861	11.795.185.067
Chi phí bằng tiền khác	7.630.239.432	3.853.009.887

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	71.108.320.009	68.668.051.116
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	7.403.541.175	9.038.995.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.672.822.907	9.405.768.769
Chi phí dự phòng	235.851.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.564.848.920	26.349.906.458
Chi phí bằng tiền khác	10.161.329.046	6.499.593.582
<b>Cộng</b>	<b>127.146.713.057</b>	<b>119.962.315.613</b>

**29. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.954.314.428</b>	<b>159.288.921</b>
Tiền khuyến mãi, chiết khấu	474.309.870	154.397.690
Hoàn nhập dự phòng rủi ro, thiệt hại môi trường (*)	4.757.000.000	-
Thu nhập khác	723.004.558	4.891.231
<b>Chi phí khác</b>	<b>582.388.162</b>	<b>258.994.945</b>
Thù lao HĐQT	234.000.000	184.500.000
Chi phí khác	348.388.162	74.494.945
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>5.371.926.266</b>	<b>(99.706.024)</b>

(\*) Công ty thực hiện hoàn nhập Quỹ dự phòng rủi ro bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BTC, ngày 07/02/2023 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.338.435.024	5.612.399.376
Các khoản chi phí không được trừ	426.281.376	229.864.021
Thu nhập không chịu thuế	51.050.000	135.640.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.713.666.400</b>	<b>5.706.623.397</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>15.713.666.400</b>	<b>5.706.623.397</b>
Thuế suất	20%	20%
Truy thu thuế năm trước	307.649.592	12.344.054
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.450.382.875</b>	<b>1.153.668.730</b>

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi trong kỳ	11.888.052.149	4.458.730.646
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(936.333.436)
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.888.052.149	3.522.397.210
Số cổ phiếu bình quân gia quyền (cổ phiếu)	12.400.000	12.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>959</b>	<b>284</b>

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 06/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**32. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các bên liên quan của Công ty:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty con của PV Oil
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty con của PV Oil
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty con của PV Oil
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Công ty con của PV Oil

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

*Số dư với các bên liên quan:*

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả khác</b>	<b>13.095.786.774</b>	<b>13.094.498.191</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	3.179.842.620	3.816.155.600
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	2.040.065.995	1.894.652.320
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	528.789.730	1.241.076.310
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1.114.852.680	872.461.940
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	727.384.910	733.150.740
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	282.146.000	999.150.700
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.159.445.410	857.007.030
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	198.574.800	587.110.718
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	901.404.919	471.894.631
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	317.374.389	338.617.438
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	1.458.098.288	326.174.420
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	422.453.568	227.609.810
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng	197.523.750	188.627.424
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	153.080.460	180.565.210
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	26.041.550	162.182.890
Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)	184.140.645	99.051.410
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	150.273.550	94.740.450
Công ty Cổ phần TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	4.803.540	3.057.900
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	49.489.970	1.211.250

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>5.894.371.354</b>	<b>6.512.282.969</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.174.182.703	1.735.533.830
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	2.593.517.923	1.948.572.456
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	975.974.880	2.293.102.420
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	91.068.498	118.343.960
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	-	386.155.603
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	9.834.660	16.147.400
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	2.539.460	10.719.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	38.990.770	2.227.600
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	8.262.460	1.480.500

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>2.299.134.187.969</b>	<b>2.918.734.622.923</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	357.067.130	547.841.545
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.830.890.405.147	1.879.958.292.154
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	297.919.890.455	628.278.617.736
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	113.597.844.394	278.420.620.643
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.083.289.238	20.279.256.812
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	9.089.612.881	8.110.500.821
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	68.182	19.204.181.818
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	68.562.351	52.873.346
Công ty Cổ phần Dầu nhờn Vũng Áng	11.457.155.919	11.889.574
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	1.221.273	5.895.816.829
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	3.839.243	-
Công ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu Khí Phú Yên	1.489.652.437	6.499.444.736
Công ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu Khí Phú Thọ	56.025.056	11.964.982.097
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	17.013.299	12.080.418
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	3.640.097.249	4.111.003.520
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	17.190.181.819	13.422.436.363
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	432.303	9.545
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	10.359.090.909	2.615.454.545
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	154.968.119	39.306.251.349
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	1.757.770.565	43.069.072



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo):**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>2.129.596.890</b>	<b>1.362.999.873</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	15.267.726	436.145.646
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí PVOIL Miền Trung	618.742.849	159.211.260
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	45.419.592	46.749.955
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	149.538.837	89.818.746
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	68.646.681	52.504.278
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	54.691.437	54.778.962
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	87.284.789	41.219.740
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	23.379.338	29.526.962
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	76.880.009	14.961.692
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Áng	476.762.512	12.340.908
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí PVOil Hải Phòng	19.964.591	9.245.132
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê công	49.050.011	12.456.253
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	20.930.632	361.364.477
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	12.088.226	8.042.035
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	210.390.577	7.703.426
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	8.309.590	4.488.070
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	1.373.727	248.606
Công ty Cổ phần TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	181.364	29.182
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	190.054	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	131.399.565	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	59.104.783	22.164.543

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và các khoản nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, các khoản nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.245.413.092	52.303.677.654
Các khoản phải thu ngắn hạn	68.345.470.251	72.607.942.429
<b>Cộng tài sản tài chính</b>	<b>102.590.883.343</b>	<b>124.911.620.083</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	86.684.247.608	133.484.876.959
Phải trả ngắn hạn khác	23.940.444.310	22.554.251.276
Phải trả dài hạn khác	71.349.486	4.828.349.486
<b>Cộng công nợ tài chính</b>	<b>110.696.041.404</b>	<b>160.867.477.721</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có rủi ro tỷ giá do không có các nghiệp vụ giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thế giới và được mua từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam nên Công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động giá đầu vào. Công ty chưa thể áp dụng các công cụ cần thiết để giảm thiểu các rủi ro này do Việt Nam chưa có thị trường ngoài việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa các khoản nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với các khoản nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của các khoản nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>			
Phải trả người bán	133.484.876.959	-	133.484.876.959
Phải trả ngắn hạn khác	22.554.251.276	-	22.554.251.276
Phải trả dài hạn khác	-	4.828.349.486	4.828.349.486
<b>Cộng</b>	<b>156.039.128.235</b>	<b>4.828.349.486</b>	<b>160.867.477.721</b>
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>			
Phải trả người bán	86.684.247.608	-	86.684.247.608
Phải trả ngắn hạn khác	23.940.444.310	-	23.940.444.310
Phải trả dài hạn khác	-	71.349.486	71.349.486
<b>Cộng</b>	<b>110.624.691.918</b>	<b>71.349.486</b>	<b>110.696.041.404</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở các khoản nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.303.677.654	-	52.303.677.654
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.607.942.429	-	72.607.942.429
<b>Cộng</b>	<b>124.911.620.083</b>	<b>-</b>	<b>124.911.620.083</b>
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.245.413.092	-	34.245.413.092
Các khoản phải thu ngắn hạn	68.345.470.251	-	68.345.470.251
<b>Cộng</b>	<b>102.590.883.343</b>	<b>-</b>	<b>102.590.883.343</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**34. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:*

	Năm 2023		Năm 2022	
	Doanh thu thuần	Giá vốn	Doanh thu thuần	Giá vốn
	VND	VND	VND	VND
Kinh doanh xăng dầu, nhớt	2.433.639.127.224	2.324.668.671.915	2.932.282.651.204	2.838.564.392.897
Kinh doanh xe máy	84.227.818.460	74.376.314.513	112.096.920.918	97.021.144.737
Kinh doanh sắt thép	6.983.708.034	6.611.466.617	17.048.774.721	15.312.203.580
Hoạt động khác	14.843.702.099	2.426.389.036	12.411.454.242	2.621.823.681
<b>Cộng</b>	<b>2.539.694.355.817</b>	<b>2.408.082.842.081</b>	<b>3.073.839.801.085</b>	<b>2.953.519.564.895</b>

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 31/12/2023 cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Thu Xương

Phụ trách kế toán



Vũ Hiền Linh

Giám đốc



Lại Thế Nghĩa